TAND HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đào Văn Ngà

2. Bà Ngô Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Duyên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX- ST ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Chu Thành C, sinh năm 1993 "*Vắng mặt*".

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên

2.Bị đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1997 "*Vắng mặt*".

Trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên

3. Người làm chứng:

Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1959. "*Vắng mặt*".

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Chu Thành C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Y (người cùng thôn, xã) có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng hơn một tháng thì tiến tới hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/2/2015 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị Y về chung sống cùng gia đình anh tại xã Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh

mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, do anh và chị Y kết hôn đã lâu nhưng chưa có con. Anh chị đi khám chữa ở nhiều nơi nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, quan hệ vợ chồng nặng nề, căng thẳng. Chị Y đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2017, hai bên không hề gặp mặt để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Gia đình khuyên bảo, hoà giải nhưng không khắc phục được. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Y nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về ngày tháng năm sinh của chị Y, anh C xác định theo sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh thư nhân dân thể hiện chị Y sinh ngày 02/7/1997. Trong giấy đăng ký kết hôn ghi chị Y sinh ngày 02/7/1995 là không chính xác. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Y chưa đủ tuổi theo luật định nhưng vì cả hai xác định tiến tới hôn nhân nên vẫn đăng ký kết hôn và được UBND xã chấp nhận. Đến nay, chị Y đã đủ tuổi theo quy định và anh chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Trần Thị Y trình bày thống nhất với anh C về thời điểm đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị cũng xác định ngày tháng năm sinh của chị là ngày 02/7/1997. Khi chị và anh C đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ thì chị chưa đủ mười tám tuổi nên không đủ tuổi đăng ký kết hôn tho quy định của pháp luật. Thời điểm hiện tại, chị đã đủ tuổi và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh C nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị Đ (mẹ đẻ anh C) trình bày: Anh C và chị Y có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống có nhiều điểm bất đồng, hai người không chịu nhường nhịn nhau và do chưa có con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ khoảng đầu năm 2017 đến nay. Gia đình bà có khuyên bảo, động viên nhưng chị Y nhất quyết không nghe. Nay anh C muốn ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND xã Đ cung cấp: Anh C, chị Y có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 07/2/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 năm 2015. Đến tháng 7/2017, anh C có làm đơn xin ly hôn chị Y, theo UBND xã nắm được thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện tại chị Y đã về ở nhà bố mẹ đẻ cùng thôn và ly thân với anh C. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã, chị Y có xuất trình một chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình thể hiện chị sinh ngày 02/7/1997 nhưng trong giấy CNKH ghi ngày 02/7/1995 là có sự nhầm lẫn. Địa phương xác định chị Trần Thị Y sinh ngày 02/7/1995 trong giấy chứng nhận kết hôn và chị Trần Thị Y sinh ngày 02/7/1997 trong sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh thư là cùng một người.

Tại phiên toà hôm nay, anh C và chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tiến hành phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh C và chị Y có thời gian tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 07/02/2015. Nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Y chưa đủ 18 tuổi nên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại thời điểm Toà án thụ lý vụ án, chị Y đã đủ tuổi đăng ký kết hôn và anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 51, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh C và chị Y được ly hôn. Về con chung và tài sản chung không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1].Về tố tụng: Anh C khởi kiện xin ly hôn chị Y có nơi cư trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh C, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Y có thời gian tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Mặc dù anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 07/02/2015 nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Y chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 7 tháng 05 ngày) nên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì đến thời điểm hiện tại, chị Y đã đủ điều kiện kết hôn và anh chị đều xác định mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn nên không cần thiết phải huỷ việc kết hôn trái pháp luật mà giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 51, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh C và chị Y được ly hôn như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên toà.

[3]. Về con chung và tài sản chung: Anh chị chưa có con chung, không có tài sản chung và không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Chu Thành C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 54, 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Chu Thành C và chị Trần Thị Y.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí***:*** Anh Chu Thành C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004096 ngày 01/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã An Viên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Thụy Lôi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**